



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5/4/2017**

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
TRÊN CÁC LƯU VỰC SÔNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ - PHỤC VỤ
VỤ ĐÔNG XUÂN 2016-2017 VÀ HÈ THU 2017
(Tuần từ 5/4 đến 12/4/2017)**

I. Hiện trạng nguồn nước

1.1. Nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi

Hiện tại hầu hết các hồ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đều tích đầy nước, một số hồ hiện đang tràn, xả tràn như: Đang xả tràn hồ Truồi, hồ Châu Sơn, hồ Thiềm Lúa. Đang tràn có hồ Ông Môi. Tổng dung tích của 14 hồ chứa là 323,98 triệu m³, đạt 62% so với thiết kế.

Bảng 1. Hiện trạng nguồn nước trong hệ thống các công trình thủy lợi lưu vực sông Hương- tỉnh Thừa Thiên Huế

TT	Tên hồ chứa	Diện tích tưới (ha)				Dung tích thiết kế (10 ⁶ m ³)	Nguồn nước hiện tại	
		Tổng	Lúa	Màu	Khác (NTTS)		Dung tích (10 ⁶ m ³)	Tỷ lệ so với thiết kế (%)
	Tổng	2592,00	0,00	0,00	0,00	524,07	323,98	62%
1	Tả Trạch					420,00	▼ 226,95	54%
2	Truồi	1346,00	0,00	0,00	0,00	55,21	▲ 55,57	101%
3	Khe Ngang	200,00	0,00	0,00	0,00	15,07	▼ 10,10	67%
4	Hòa Mỹ	607,5	0,00	0,00	0,00	9,67	▼ 9,57	99%
5	Phú Bài 2	618,00	0,00	0,00	0,00	6,00	▼ 5,52	92%
6	Thọ Sơn	260,00	0,00	0,00	0,00	5,47	▼ 4,75	87%
7	Mỹ Xuyên	91,53	0,00	0,00	0,00	4,44	▼ 3,97	89%
8	Châu Sơn	44,00	0,00	0,00	0,00	2,65	▼ 2,43	92%
9	Thiềm Lúa	30,00	0,00	0,00	0,00	1,72	▲ 1,89	110%
10	Thôn Niêm	40,00	0,00	0,00	0,00	1,41	▼ 1,32	93%
11	Tà Rinh	10,00	0,00	0,00	0,00	0,82	▼ 0,80	98%
12	Nam Giản	19,44	0,00	0,00	0,00	0,62	▼ 0,61	98%
13	A Lá	29,00	0,00	0,00	0,00	0,61	▼ 0,31	51%
14	Ông Môi	15,00	0,00	0,00	0,00	0,38	▼ 0,19	50%

1.2. Nguồn nước xả của thủy điện

Thực tế các hồ: hồ Tá Trạch xả về hạ lưu với lưu lượng trung bình tháng 20,6m³/s. Hồ Bình Điền xả về hạ lưu với lưu lượng trung bình tháng 26,7m³/s. Hồ Hương Điền xả về hạ lưu với lưu lượng trung bình 39,2 m³/s (thủy điện Hương Điền



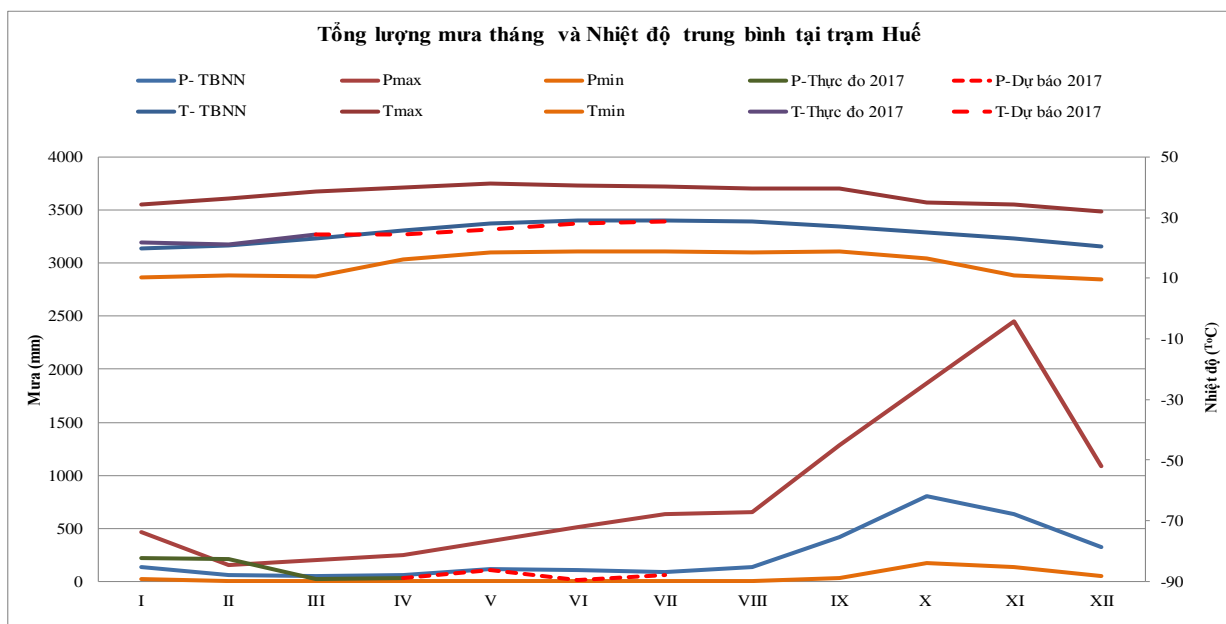
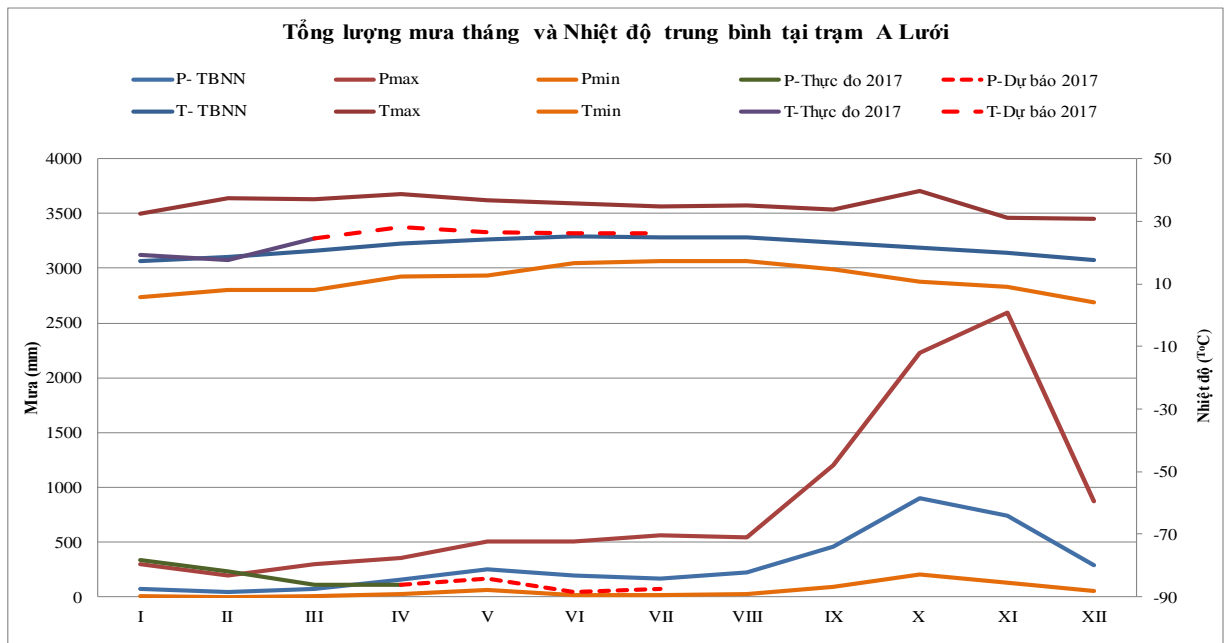
khi cảnh hồ trợ đến mức tối đa kể cả trường hợp phải nhắc cửa van sử dụng lượng nước dưới mực nước chết từ cao trình +46m đến ngưỡng tràn +42,75m khoảng 70 triệu m^3). Thủy điện A Lưới xả với lưu lượng không nhỏ hơn $1,42m^3/s$ để bổ sung nước cho hồ Hương Điền. thủy điện Thượng Lộ đảm bảo dòng chảy môi, trường tối thiểu cho vùng hạ du là $01 m^3/s$.

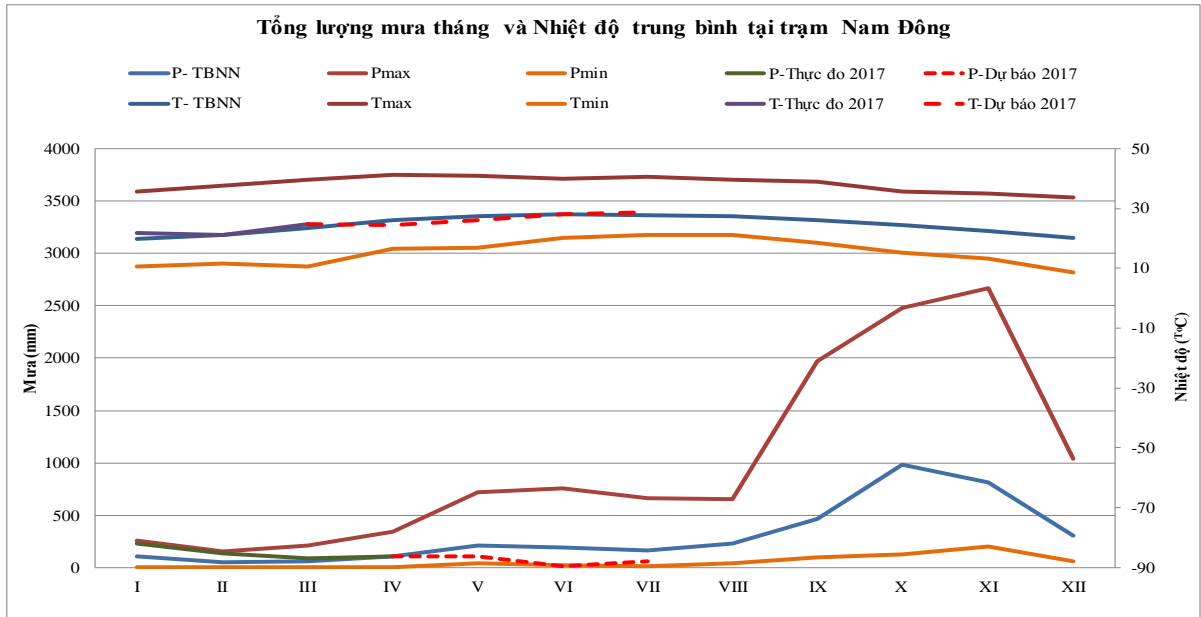
Với lưu lượng xả này sẽ đảm bảo cho các công trình lấy nước dọc sông thuận lợi. Hiện tại mực nước hồ Tả Trạch đang ở mức 35,18m tương ứng với 226,95 triệu m^3 (thấp hơn so với mực nước dâng bình thường 9,82m).

II. Dự báo nguồn nước

2.1. Dự báo từ ngày 6/IV ÷ 13/IV/2017

Lượng mưa: Từ ngày 06 ÷ 13/IV trên lưu vực sẽ có mưa rải rác với lượng mưa từ 2,5 ÷ 25,0mm.

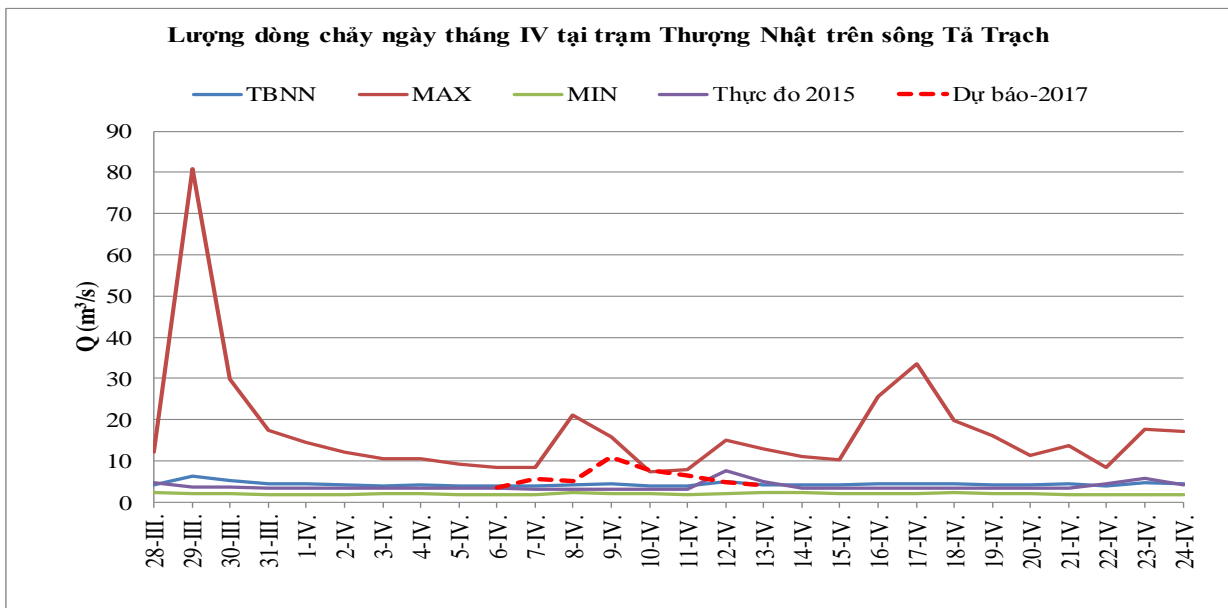




Hình 1: Tổng lượng mưa tháng và nhiệt độ trung bình tại một số trạm

2.2. Thủy văn

Lượng dòng chảy trung bình từ ngày 06 ÷ 13/IV/2017 trên sông Tả Trạch sẽ cao hơn TBNN 44% và so với cùng thời kỳ năm 2015 dòng chảy tại trạm cũng cao hơn 50%.



Hình 2: Lượng dòng chảy ngày tháng IV tại một số trạm

III. Kế hoạch sử dụng nước vùng nằm trong các công trình thủy lợi

3.1. Nhu cầu nước

Tổng nhu cầu nước cho Đông Xuân 2016-2017 tính đến thời điểm hiện tại của các công trình thủy lợi là 214,23 triệu m³. Chi tiết tại bảng 2.

Bảng 2. Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi lưu vực sông Hương - tỉnh Thừa Thiên Huế

Đơn vị: Triệu m³



STT	Tên công trình	T4	T5	Tổng
				214,213
1	Hồ Tả Trạch	97,200	107,136	204,336
2	Hồ Truồi	2,916	1,122	4,038
3	Hồ Khe Ngang	0,433	0,167	0,600
4	Hồ Hòa Mỹ	1,519	0,506	2,025
5	Phú Bài 2	1,163	0,421	1,584
6	Hồ Thọ Sơn	0,563	0,217	0,780
7	Hồ Mỹ Xuyên	0,229	0,076	0,305
8	Hồ Châu Sơn	0,095	0,037	0,132
9	Hồ Thiềm Lúa	0,075	0,025	0,100
10	Hồ Thôn Niêm	0,100	0,033	0,133
11	Hồ Tà Rinh	0,010	0,008	0,018
12	Hồ Nam Giản	0,042	0,016	0,058
13	Hồ A Lá	0,029	0,024	0,053
14	Hồ Ông Môi	0,038	0,013	0,051

3.2. Kết quả cân bằng nước và khuyến cáo sử dụng nước

Căn cứ vào dung tích hiện tại, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, kết quả tính toán cân bằng nước cho từng công trình. Kết quả tính toán cho thấy hầu hết các hồ đều đáp ứng hoàn toàn nhu cầu nước của vụ Đông Xuân 2016-2017 (chi tiết tại bảng 3).

Bảng 3. Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân năm 2016 - 2017 lưu vực sông Hương - tỉnh Thừa Thiên Huế

TT	Tên hồ chứa	Dung tích thiết kế ($10^6 m^3$)	Dung tích hiện tại ($10^6 m^3$)	Dự kiến nguồn nước trong vụ Đông Xuân 2016-2017			
				Dự báo dung tích hữu ích hồ khi kết thúc vụ Đông Xuân ($10^6 m^3$)	Khả năng đáp ứng trong vụ Đông Xuân	Kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân (ha)	Diện tích đảm bảo tưới (ha)
1					100%		
1	Tả Trạch	420,00	226,95	23,51			
2	Truồi	55,21	55,57	33,31	Đủ nước 100%	1346,00	1346,00
3	Khe Ngang	15,07	10,10	6,53	Đủ nước 100%	200,00	200,00
4	Hòa Mỹ	9,67	9,57	7,75	Đủ nước 100%	607,5	607,5
5	Phú Bài 2	6,00	5,52	3,92	Đủ nước 100%	618,00	618,00
6	Thọ Sơn	5,47	4,75	3,84	Đủ nước 100%	260,00	260,00
7	Mỹ Xuyên	4,44	3,97	1,65	Đủ nước 100%	91,53	91,53
8	Châu Sơn	2,65	2,43	2,26	Đủ nước 100%	44,00	44,00
9	Thiềm Lúa	1,72	1,89	0,33	Đủ nước 100%	30,00	30,00
10	Thôn Niêm	1,41	1,32	0,45	Đủ nước 100%	40,00	40,00
11	Tà Rinh	0,82	0,80	0,21	Đủ nước 100%	10,00	10,00
12	Nam Giản	0,62	0,61	0,56	Đủ nước 100%	19,44	19,44
13	A Lá	0,61	0,31	0,29	Đủ nước 100%	29,00	29,00
14	Ông Môi	0,38	0,19	0,09	Đủ nước 100%	15,00	15,00

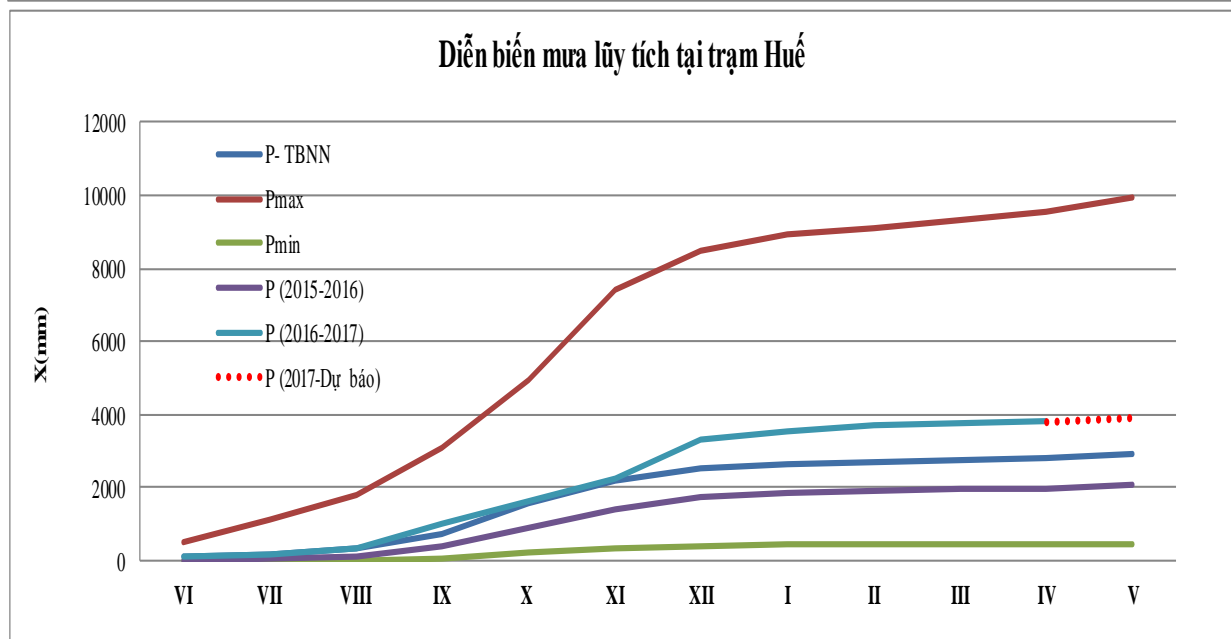
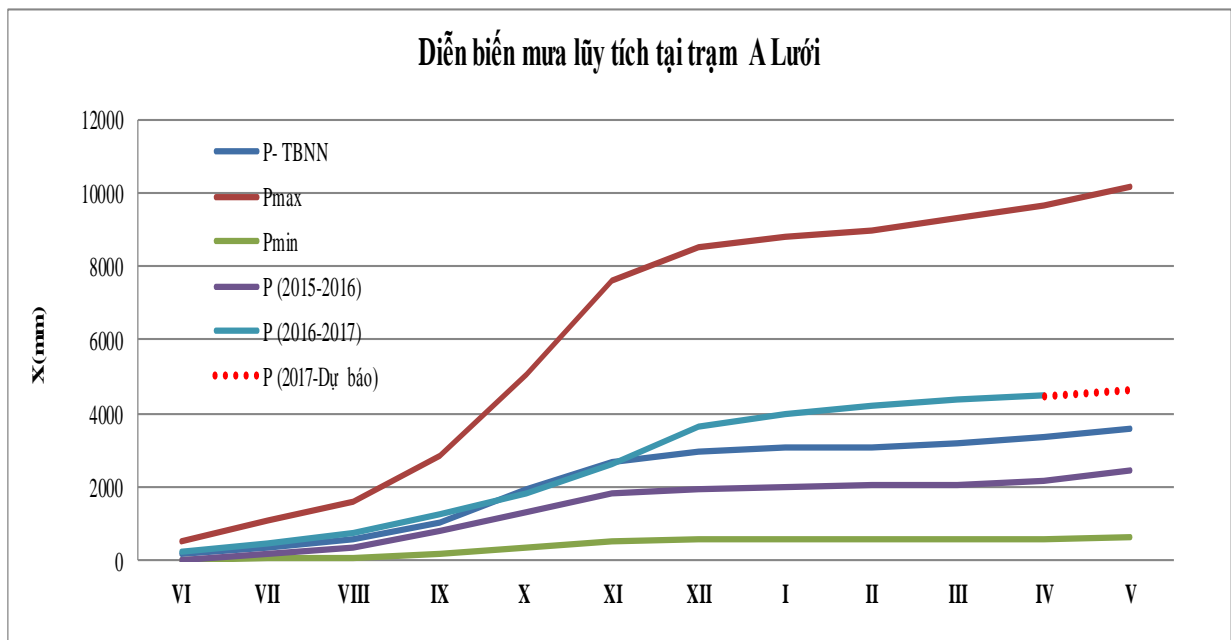


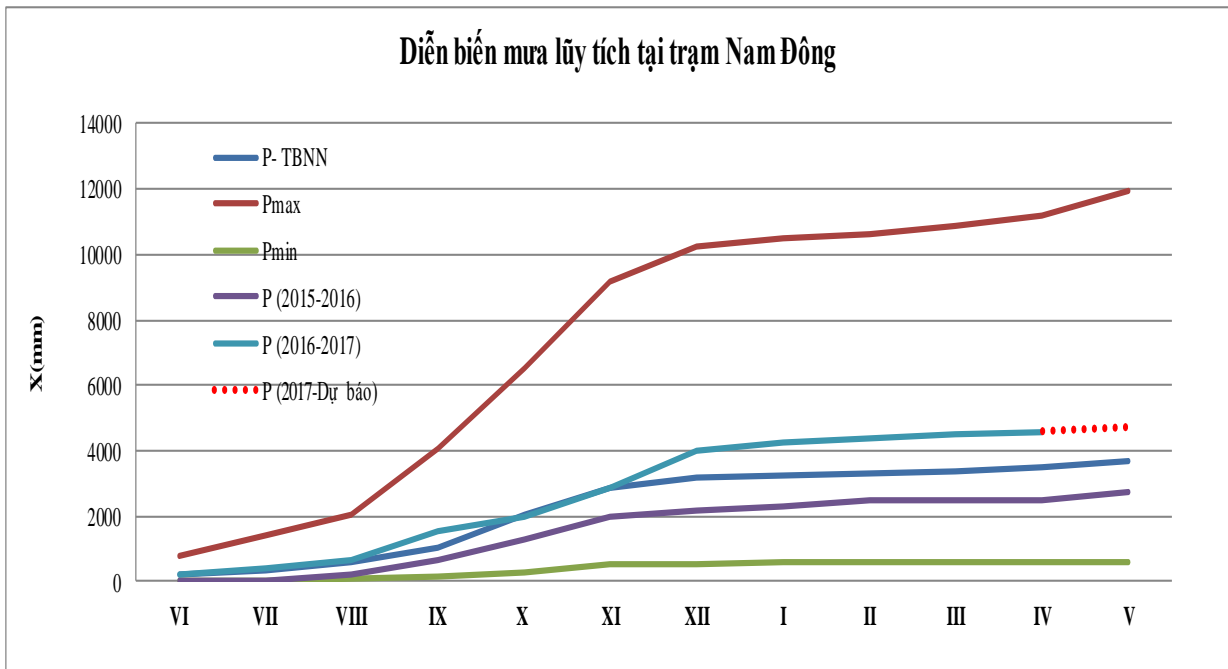
IV. Mức độ rủi ro thiên tai hạn vùng nằm ngoài công trình thủy lợi

4.1. Khuyến cáo cho các vùng hạn nằm ngoài khu phục vụ của các công trình thủy lợi:

Lượng mưa lũy tích từ đầu mùa mưa năm 2017

Lượng mưa cộng dồn từ đầu mùa mưa 2017 tính đến thời điểm hiện tại cao hơn TBNN (từ 132 ÷ 137% so với TBNN) và so với mùa mưa năm 2015 ÷ 2016 (180 ÷ 210%) nên khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo tương đương mức trung bình nhiều năm.





Hình 3: Dự báo diễn biến mưa lũy tích từ đầu mùa mưa năm 2016 đến tháng IV/2017 (P 2016-2017) và dự báo lượng mưa giai đoạn tháng IV - V/2017 (P2017-Dự báo) tại một số trạm điển hình trên lưu vực sông Cả so với lượng mưa trung bình nhiều năm (P_TBNN), năm mưa nhiều nhất (P_năm Max), năm mưa ít nhất (P_năm Min).

4.2 Cảnh báo mức độ rủi ro thiên tai hạn

Căn cứ theo Quyết định 44/2014/QĐ-TTg quy định về cấp độ rủi ro thiên tai, căn cứ vào lượng mưa và nguồn nước trong khu vực cho thấy trong vùng nằm ngoài phạm vi cấp độ rủi ro hạn hán theo quy định.

Nhìn chung, đối với những vùng tưới không sử dụng nước từ các công trình thủy lợi, tình hình hạn hán trong vụ Đông Xuân 2016-2017 được dự báo cho thấy, so với trung bình nhiều năm tổng lượng mưa vụ đông xuân từ tháng I ÷ V tại một số khu vực trong vùng có khả năng sẽ nhỏ hơn trung bình nhiều năm. Do mùa khô có lượng mưa rất thấp nên việc đáp ứng nhu cầu nước cho cây trồng đối với những vùng này vẫn luôn tiềm ẩn khả năng xảy ra hạn hán khi tình hình thời tiết có những diễn biến theo chiều hướng khắc nghiệt. Vì vậy đối với những vùng này cần có kế hoạch tích trữ nước khi trời mưa đồng thời sử dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, giảm tổn thất bốc hơi mặt ruộng, tăng cường các công cụ tích trữ nước.